

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày: 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vân Thị Thu Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Hồng Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đào Nhã Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/TLST- HS ngày 07-02-2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 06-3-2018 đối với bị cáo:

1. TRẦN VĂN D (B.T)- sinh năm: 1994 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: khu phố 4, phường D, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ và bà: Trần Thị G, sinh năm 1968; tiền sự: không; tiền án: Ngày 08-08-2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 23-11-2016; tạm giam: ngày 13-10-2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

2. ĐINH THÁI QUỐC H1 - sinh năm: 1999 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: khu phố 8, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Thái N, sinh năm: 1973 và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1980; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo tại ngoại.

3. ĐINH THÁI QUỐC H2- sinh ngày: 11-02-2001 tại Ninh Thuận

Nơi cư trú: khu phố 8, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N, sinh năm: 1973 và bà: C, sinh năm 1980; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Thái Quốc H2:* ông Đinh Thái N, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Khu phố 8, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: bảo vệ; là bố của bị cáo. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thái Quốc H2:* Bà Nguyễn Thị H - Luật sư Văn phòng Luật sư T – Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Lê Anh Q, sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn K 1, xã H, huyện B, tỉnh Ninh Thuận;

2. Ông Đỗ Dưỡng Hồ T1, sinh năm: 1966

Trú tại: Khu phố 6, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

3. Anh Võ Ngọc T2, sinh năm: 1994

Trú tại: Khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

4. Em Phan Được T3, sinh ngày: 24-3-2003

Người đại diện hợp pháp của em Phan Được T3: Bà Phan Thị Đ, sinh năm: 1960

Cùng trú tại: Khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

5. Em Phan Tấn Đ1, sinh ngày: 25-8- 2005

Người đại diện hợp pháp của em Phan Tấn Đ1: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1983

Cùng trú tại: Khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

6. Em Trần Minh Đ2, sinh ngày: 30-10- 2005

Người đại diện hợp pháp của em Trần Minh Đ2: Ông Trần Minh D, sinh năm: 1970

Cùng trú tại: Khu phố 9, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Tấn P, sinh năm: 1996

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

Tất cả đều xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Huỳnh Lê Dung H, sinh năm: 1995. Vắng mặt
Trú tại: Khu phố 5, thị trấn D, huyện P, tỉnh Ninh Thuận;
2. Ông Lê K, sinh năm: 1967. Vắng mặt
Trú tại: Khu phố 1, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
3. Ông Võ Thành V, sinh năm: 1967. Vắng mặt
Trú tại: Xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;
4. Anh Tô Văn H, sinh năm: 1987. Vắng mặt
Trú tại: Xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;
5. Em Huỳnh Đ3, sinh năm: 2002. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của em Huỳnh Đ3: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1980. Vắng mặt

Trú tại: Khu phố 6, phường D, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 01-08-2017 đến ngày 30-9-2017, Trần Văn D, Đinh Thái Quốc H2, Đinh Thái Quốc H1 đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 01-08-2017, Trần Văn D đi bộ từ nhà của mình đến khu phố 5, phường K, thì nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 85H1 - 020.98 của anh Lê Anh Q đang dựng trước số nhà 28/17/2 T.B.T, không có người trông coi nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô này. D đi đến chỗ dựng xe, lấy van bẻ khóa cất sẵn trong người ra mở khóa xe. Sau khi mở được khóa xe, D điều khiển xe chạy về nhà mình cất giấu, rồi tháo biển kiểm soát ra bỏ vào cốp xe vừa lấy trộm được. Sau đó, D đi bộ sang nhà anh Trần Mạnh T hỏi T có chỗ nào cần mua xe không giới thiệu giùm, vì bạn của D cần tiền nên bán xe mô tô. Nghe D nói vậy, T đã cho D số điện thoại của Huỳnh Lê Dung H để D liên hệ bán xe. Tại thị trấn P, huyện N, D bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 85H1 - 020.98 cho H với số tiền 3.500.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc xe mô tô nói trên, H bán lại cho anh Lê Tấn P với số tiền là 3.600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 24-8-2017, Đinh Thái Quốc H1 lấy xe mô tô biển kiểm soát 85B1 - 577.83 của ông Đinh Thái N chạy đến nhà Trần Văn D rủ D đi chơi. Trên đường đi, D rủ H1 trộm cắp tài sản thì H1 đồng ý. H1 và D đi đến hẻm số 17 đường S, thuộc khu phố 6, phường K, D quan sát thấy xe mô tô hiệu

FAMILYLA, biển kiểm soát 85V1-9418 của anh Đỗ Dưỡng Hồ T1 đang dựng trước nhà ông Nguyễn G không có người trông coi. D bảo H đứng đầu hẻm cảnh giới, còn D đi vào dắt chiếc xe mô tô của anh T đi ra đầu hẻm. Sau đó, H điều khiển xe mô tô của mình đẩy chiếc xe mô tô D vừa trộm cắp được về nhà D cất giấu. Ngày hôm sau, D đem chiếc xe mô tô trộm cắp được bán cho ông Lê K với giá 400.000 đồng. Sau đó, ông K bán chiếc xe mô tô này cho ông Võ Thành V với giá 500.000 đồng, ông V tiếp tục bán lại cho ông Trần Văn X với giá 500.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán xe mô tô trộm cắp được, D tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 21-9-2017, Đinh Thái Quốc H1 tiếp tục lấy xe mô tô biển kiểm soát 85B1-577.83 của ông Đinh Thái N chở Đinh Thái Quốc H2(em trai của H) và Huỳnh Đ đến chơi Game tại tiệm Internet S, thuộc khu phố 6, phường Đ, thành phố P. Khoảng 01 giờ ngày 22-9-2017, Trần Văn D cũng đến chơi Game cùng nhóm của H1. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, H1, H2 và Đ ra tính tiền đi về, khi cả ba đi ra đến sân tiệm Internet S thì H1 thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 85B1-052.64 của anh Võ Ngọc T2 đang dựng nhưng bị che khuất bởi cánh cửa, nên nảy sinh ý định lấy cắp chiếc xe mô tô của anh T2. H1 đi vào lại trong tiệm Internet rủ D cùng thực hiện việc trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên thì D đồng ý và D lấy xe mô tô biển kiểm soát 85B1-577.83 của H1 chạy về nhà mình lấy đoạn bẻ khóa xe. Khoảng 10 phút sau, D quay lại dùng đoạn bẻ khóa chiếc xe mô tô hiệu Sirius của anh T2. Sau khi bẻ khóa xong, D vào lại bên trong tiệm Internet nói với H1 đã bẻ được khóa xe rồi, ra lấy xe đi, còn D vào ở lại tiếp tục chơi Game. Khi ra ngoài, H1 nói với H2: “xe bẻ khóa rồi, chạy về đi”. H2 biết là xe trộm cắp và đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 85B1-577.83 chở Đ, còn H2 điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 85B1-052.64 vừa trộm cắp được chạy về nhà cất giấu. Sau đó, H2 chạy xe đến tiệm Internet S để chở D về nhà H2. D nói với H2, để D bán chiếc xe vừa lấy trộm được lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, D tháo biển kiểm soát 85B1-052.64 bỏ vào trong cốp xe, rồi tháo biển kiểm soát 85B1-577.83 xe của H2 gắn vào xe mô tô vừa trộm cắp được. D bán chiếc xe này cho anh Tô Văn H3 với giá 3.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán xe, D tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 16 giờ ngày 30-9-2017, Đinh Thái Quốc H2 đi cùng Đinh Thái Quốc H và Phan Hồng L đến sân bóng đá mini T. T, thuộc khu phố 6, phường T.T để thuê sân đá bóng. Khi đến sân bóng, do chưa có sân nên H1, H2 và L ngồi đợi. Lúc này, H2 nhìn thấy trên bàn gần chỗ ngồi có để 03 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime của Phan Được T3; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo V5 của Phan Tấn Đ1 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Coolpad Roar 3 A118 của Trần Minh Đ2 không có ai trông coi nên H2 đi đến lấy bỏ vào túi quần, rồi chạy về nhà mình cất giấu và quay lại sân bóng T.T. Sau khi chơi đá bóng xong, em Phan Được T3, Phan Tấn Đ1 và Trần Minh Đ2 phát hiện điện thoại của mình bị mất nên đã đến Công an phường Tấn Tài trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, Trần Văn D, Đinh Thái Quốc H1, Đinh Thái Quốc H2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại biên bản định giá tài sản số 72 ngày 06-09-2017; số 104 ngày 16-11-2017; số 81 ngày 05-10-2017; số 86 ngày 12-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP Phan Rang – Tháp Chàm, kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 85H1 - 020.98, số khung: C630DY757709, số máy: 5C63757782, trị giá 12.750.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô hiệu FAMYLEA, biển kiểm soát 85V1-9418, số khung: SXM6H-136739, số máy: FMH-00136739, trị giá 2.500.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 85B1-052.64 trị giá 7.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, trị giá 4.792.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo V5, trị giá 4.720.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Coolpad Roar 3 A118, trị giá 712.000 đồng.

Cáo trạng số 12/QĐ-KSĐT ngày 05-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên việc truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 18 đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g, n khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đinh Thái Quốc H1 từ 09 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46, các điều 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đinh Thái Quốc H2 từ 06 đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: công nhận thỏa thuận giữa bị cáo D và anh Lê Tấn P. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy công cụ phạm tội.

Các bị cáo nói lời sau cùng: “Bị cáo đã biết lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến

hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại và các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: từ ngày 01-08-2017 đến ngày 30-9-2017, Trần Văn D, Đinh Thái Quốc H2, Đinh Thái Quốc H1 đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể: Trần Văn D thực hiện 03 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 22.250.000 đồng; Đinh Thái Quốc H1 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.500.000 đồng; Đinh Thái Quốc H2 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 17.224.000 đồng.

Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm truy tố các bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cũng cần phân tích vai trò, nhân thân.. của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo D: trộm 03 vụ. Vụ 01 bị cáo 01 mình thực hiện tội phạm, vụ thứ 02 bị cáo là người rủ rê, khởi xướng và trực tiếp lấy trộm xe. Vụ thứ 03 bị cáo trực tiếp lấy trộm xe. Bị cáo có 01 tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm, bị cáo phạm tội nhiều lần, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; các tình tiết này quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo phải chịu mức án cao nhất so với đồng bọn.

Bị cáo H1: thực hiện 02 vụ trộm. Vụ 01 bị cáo tham gia với vai trò cảnh giới. Vụ 02 bị cáo là người khởi xướng, rủ rê. Do bị cáo rủ Đinh Thái Quốc A là người chưa thành niên đi trộm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là xúi giục người chưa thành niên phạm tội, ngoài ra bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, quy định tại điểm n, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, các tình tiết này quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo H2: thực hiện 02 vụ trộm. Vụ 01 bị cáo tham gia với vai trò giúp sức. Vụ 02 bị cáo trực tiếp lấy trộm 03 chiếc điện thoại. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999;

tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, các tình tiết này quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên HĐXX áp dụng Điều 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét ý kiến của Luật sư cho rằng bị cáo là người dưới 18 tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng... nên đề nghị cho bị cáo H2 được hưởng án treo. HĐXX thấy rằng ý kiến của Luật sư phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu gì về dân sự. Quá trình điều tra, các anh: Huỳnh Lê Dung H, Lê K, Võ Thành V, Trần Văn X và Tô Văn H không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét. Riêng anh Lê Tấn P yêu cầu bồi thường số tiền 3.600.000 đồng là tiền mà anh P bỏ ra mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 85H1 - 020.98. Bị cáo Trần Văn D đồng ý bồi thường số tiền trên cho Lê Tấn P. Xét thỏa thuận trên là đúng pháp luật, nên công nhận.

[5] Vật chứng của vụ án: 01 khóa số 8; 01 đoạn phá khóa bằng kim loại dài 6cm, phần đầu đẹp, phần đuôi có hình lục giác, đây là công cụ bị cáo D dùng để trộm cắp tài sản, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 biển kiểm soát 85H1 - 020.98 và biển kiểm soát 85B1-052.64, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D (Ba Trợn) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D (B.T) 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 13-10-2017.

Căn cứ vào: các điều 109, 113, 119, 329 Bộ luật tố tụng hình sự: tạm giam bị cáo Trần Văn D (B.T) 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g, n khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thái Quốc H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thái Quốc H1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các điều 60, 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thái Quốc H2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thái Quốc H2 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào: Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Trần Văn D (B.T) đồng ý bồi thường cho anh Lê Tấn P số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào: Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 khóa số 8; 01 đoạn phá khóa bằng kim loại dài 6cm, phần đầu đẹp, phần đuôi có hình lục giác theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-02-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn D (B.T) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa của bị cáo Đinh Thái Quốc H2, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo H2)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Công an TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vân Thị Thu Sang

